

B NG T NG K TK TQU H CT PN MH C 2012-2013 - L N CU I
(L y k t qu Ei m thi l n cu i)

L p h c: N35CKT2

Ng@nh: K to`n DN (CDN)

B c: Cao E ng ngh

STT	Mí S	H Vì T c N	ñ M TBC	XLHT	ñ M RC N LUY N	S MBN < 5	K LU T	Xe T THEO QUY CH	Qñ C AH I ã NG	Anh vñ chuy`n ng@nh	K to`n doanh nghi p (2)	K to`n doanh nghi p (1)	Kinh t vi nm»	Kinh t vBm»	L p v@ph`n t ch d `n	Lí thuy t i n t t i n d ng	Qu n t`r doanh nghi p	Qu n t`r h c	T@ch nh doanh nghi p	Th t`r ng ch ng h o`n	Th ng k`r doanh nghi p	Thu	Th c hñh k to`n c b n
										4	9	10	4	3	4	3	4	3	8	3	4	4	3
1	3552010382	L² Th Thanh An	0.00	Kém	40					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
2	3552010394	L² Th Anh	6.97	TB khá	85					6.3	6.0	6.4	8.4	6.9	7.0	7.0	8.4	7.2	7.3	7.6	7.0	7.0	7.0
3	3552010364	Nguy n Tu n Anh	6.24	TB khá	73					5.4	5.8	6.5	6.6	5.4	5.4	6.0	7.1	6.2	7.2	7.7	5.6	5.0	7.0
4	3552010406	L² Th Ng c Bích	0.00	Kém	40					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
5	3552010231	Ng» Th Ng c Châu	6.52	TB khá	75					6.6	6.5	5.0	8.1	6.8	7.2	7.0	7.3	6.3	6.3	5.9	7.0	5.4	9.0
6	3552010321	B¿i Th Chính	6.08	TB khá	75					6.3	5.6	5.0	6.6	6.2	5.6	7.0	7.6	6.3	7.4	6.3	6.2	5.1	5.0
7	3552010337	Nguy n Th Di m	6.58	TB khá	80					6.6	5.8	4.5	8.0	7.2	6.3	8.4	7.7	8.6	6.3	7.4	6.9	6.4	8.0
8	3552010327	Nguy n Th B´ch Dung	4.95	Y u	68					6.3	5.0	4.7	7.2	5.4	4.3	5.2	4.9	5.6	3.2	5.2	5.3	3.8	6.0
9	3552010342	Nguy n Th Thu Hà	5.35	TB	83					6.6	5.0	4.4	6.3	5.6	4.4	6.6	6.3	6.3	4.9	6.1	6.0	4.5	5.0
10	3552010285	VIOTh Hà	0.00	Kém	40					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
11	3552010251	B¿i Th Thu Hi n	5.76	TB	75					6.0	5.9	4.6	7.0	5.6	5.8	7.0	7.1	6.6	5.2	6.1	5.9	5.4	5.0
12	3552010263	Tr n B o Hoàng	1.90	Kém	55					4.9	0.0	2.5	5.1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	4.4	3.4	0.0	0.0	5.0
13	3552010248	V½Th Linh Hu	6.57	TB khá	78					6.3	5.8	5.0	6.3	6.0	7.6	8.4	8.3	6.2	6.9	6.7	7.6	6.4	8.0
14	3552010245	L² Th H ng	7.04	Khá	80					6.4	6.4	5.5	6.9	6.8	8.0	7.0	7.1	6.8	8.9	8.2	7.4	6.0	9.0
15	3552010243	Ho@ng H u Nghĩ	5.75	TB	75					6.0	5.9	4.6	7.2	5.8	6.1	6.4	5.6	5.6	5.2	6.8	5.1	6.0	7.0
16	3552010256	Nguy n L² Tr ng Nghĩ	0.00	Kém	40					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
17	3552010425	L² Th Ngôn	5.62	TB	75					5.6	5.3	5.4	7.1	5.0	5.1	7.4	6.6	6.6	4.6	6.3	4.6	4.8	7.0
18	3552010395	L² Y n Nhi	5.14	TB	73					6.0	5.1	4.6	7.3	4.9	4.6	6.4	6.6	5.6	4.3	4.7	6.1	3.5	4.0
19	3552010318	Nguy n Th H© Nhi	6.03	TB khá	90					6.7	5.3	5.6	6.2	6.3	6.7	5.8	7.0	6.4	5.9	5.6	6.7	4.4	8.0
20	3552010272	H Th C m Nhung	0.81	Kém	40					5.4	0.0	0.0	6.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.7	0.0	0.0	0.0	0.0
21	3552010315	Nguy n T n Phong	0.00	Kém	40					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
22	3552010419	Ph m Th Thanh Ph ng	0.42	Kém	40					3.7	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.6	0.0	0.0	0.0	0.0
23	3552010246	Huunh Ch n Quy n	6.27	TB khá	75					6.7	5.8	5.6	7.0	5.7	6.2	7.0	7.7	5.8	7.0	6.4	7.1	3.8	7.0
24	3552010241	Nguy n Thanh Sang	7.19	Khá	100					6.3	6.9	5.8	8.3	7.9	9.0	7.8	7.6	8.2	6.7	8.4	7.1	6.0	9.0
25	3552010236	Nguy n Ng c Minh Thái	6.30	TB khá	83					6.4	6.9	4.8	7.3	6.1	6.4	6.2	7.1	6.4	6.5	6.1	6.2	5.4	8.0
26	3552010367	Mai Thanh Th o	6.32	TB khá	75					5.6	5.9	4.8	8.3	5.1	6.9	6.8	7.4	7.0	6.0	8.1	7.0	5.5	8.0
27	3552010299	Nguy n Th Th o	5.53	TB	68					5.3	6.4	4.4	7.2	4.2	4.8	5.8	5.1	5.3	5.5	5.7	5.9	4.8	8.0
28	3552010424	Tr ng Th Th nh	6.50	TB khá	80					6.3	6.4	4.5	8.0	7.1	9.0	7.0	7.1	6.6	6.1	6.5	7.5	5.8	7.0
29	3552010361	Nguy n VÑ Th m	1.69	Kém	55					5.9	0.0	3.3	6.4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.7	2.5	0.0	0.0	0.0
30	3552010422	H C N TH HUY N TRANG	5.12	TB	73					5.9	5.6	4.8	6.2	5.2	5.2	6.4	7.0	6.4	4.1	5.4	5.6	4.2	0.0
31	3552010408	Li²ng Huy n Tr n	7.13	Khá	93					6.6	6.4	6.0	7.7	7.0	8.4	6.4	8.1	7.7	7.4	8.7	7.6	6.0	9.0
32	3552010298	H Thu Uyên	6.32	TB khá	75					6.7	5.6	5.0	7.4	5.7	5.1	5.8	7.4	7.0	7.4	8.5	5.6	5.1	9.0
33	3552010309	Li²n Th Th¾y Vân	6.46	TB khá	75					6.7	6.4	4.9	8.0	6.9	6.4	6.4	7.1	6.4	6.8	8.7	7.0	5.4	6.0

STT	Mí S	H Vì Tén	hĩ M TB C	XLHT	hĩ M R C N LUY N	S MB N < 5	K LU T	Xa T THEO QUY CH	Qũ C A H I ã NG	Th c hành k to"n c b n													
										Th u													
										Th ng k' doanh nghi p													
										Th u ng ch ng kho"n													
										T'g ch nh doanh nghi p													
										Qu n r h c													
										Qu n r doanh nghi p													
										Lĩ thuy t i t n t r o d ng													
										L p v o ph' n t' ch d "n													
										Kinh t v b m													
Kinh t v i m																							
K to"n doanh nghi p (1)																							
K to"n doanh nghi p (2)																							
Ảnh vñh chuy"n ng o h																							
4	9	10	4	3	4	3	4	3															
34	3552010274	TỔng Ng c B'ch Vân	6.53	TB khá	73					6.3	6.3	5.4	7.8	5.4	7.8	7.3	7.8	6.7	8.3	7.4	5.1	6.0	
35	3552010269	Giang Th Vinh	6.03	TB khá	70					6.4	5.4	4.6	7.1	5.7	6.9	6.6	6.4	6.1	6.5	6.9	5.9	6.0	7.0
36	3552010396	Bçĩ Nh t VHO	0.00	Kém	40					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
37	3552010421	Nguy n Th Di m Xuân	5.32	TB	70					5.9	5.7	4.2	6.3	5.6	6.1	5.8	5.9	6.0	4.4	5.8	6.3	4.8	4.0

X p lo i	SL	T l
----------	----	-----

TP.HCM, ngày 26 tháng 9 năm 2013

TR NG KHOA

TP.hĩ O T O

HI U TR NG